TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2018/DS-PT.
Ngày: 07-11-2018.
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Huờn

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DSST ngày 08/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắk bị bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2018/QĐ-PT ngày 19/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hứa Văn P (tên gọi khác Hứa Văn P), sinh năm 1958 và bà H N Srũk, sinh năm 1957 (có mặt).

Cùng trú tại: Xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hứa Văn P: Ông Ngô Đình K, trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H N Srũk: Bà Trần Thị Phương L, trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tp Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Y M Sruk, sinh năm 1979 và bà H B Tơr, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng trú tại: Xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Y M Sruk: Ông Nguyễn Văn L, Luật sư – Cộng tác viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Địa chỉ: Tp Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hứa Văn A, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xã Krông N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Hứa Thị N, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xã Ea K, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Hứa Văn H, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xã Đắk L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Hứa Thị N, sinh năm 1994 (có mặt).

Trú tại: Thị trấn Liên S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Hứa Văn S, sinh năm 1998 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xã Đắk L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Bùi Ngọc K, sinh năm 1985 (xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xã Đắk L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Uỷ ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn Liên S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Ông Y M Sruk và bà H B Tơr là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Hứa Văn P và bà H N Srũk trình bày:*

Vào năm 1980, ông Y D Du và bà H L Srũk (đã chết) tự khai hoang được diện tích khoảng 12.560m^2. Đến năm 1990 thì giao cho vợ chồng ông Hứa Văn P, bà H N Srũk sử dụng canh tác. Năm 1997 Uỷ ban nhân dân huyện L đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 192, tờ bản đồ số 43, diện tích 12.560m^2, tọa lạc tại xã Đắk L, huyện L, tuy nhiên tại thời điểm này do hỏa hoạn bị cháy nhà nên giấy tờ đất đai không còn. Đến năm 2011 thực hiện chính sách cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông P, bà N được Uỷ ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 43 với diện tích là 12.560m^2, vợ chồng ông P canh tác từ năm 1990 đến nay không có ai tranh chấp. Đến năm 2014, sau khi vợ chồng ông P trồng tỉa bắp thì vợ chồng ông Y M Sruk và bà H B Tơr tự ý đến chiếm diện tích 4.567,7m^2 trên tổng số diện tích 12.560m^2 đã được Uỷ ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông P. Ông P đã báo với chính quyền địa phương can thiệp, giải

quyết tranh chấp nhưng không thành. Nay vợ chồng ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Y M Srũk trả lại diện tích đất 3.431,8m^2.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Y M Sruk và bà H B Tơr trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là đất của ông Y P BDáp (bố của bà H B) khai hoang từ năm 1980 và canh tác đến năm 1996 không có ai tranh chấp với diện tích khoảng 3.700m^2. Năm 1997 do mẹ đẻ của bà H B bị bệnh phải điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk, không có người chăm sóc nên bà H B phải trông nom và không kịp thời vụ nên đã bỏ hoang 01 năm. Đến năm 1998, vợ chồng ông P đến nhà bố mẹ bà H B xin trồng bắp thì được bố mẹ bà H B đồng ý. Năm 2011 vợ chồng ông Y M thông qua ông trưởng buôn cũ đến nhà vợ chồng ông P yêu cầu trả lại diện tích đất đã mượn của bố mẹ bà H B, nhưng vợ chồng ông P không đồng ý. Đến tháng 4/2011, ông Y P BDáp quyết định giao đất tranh chấp trên cho vợ chồng ông Y M canh tác, khi vợ chồng ông Y M cày xới xong diện tích khoảng 3.431,8m^2 thì hai bên xảy ra tranh chấp. Nay vợ chồng ông P khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Y M trả lại đất thì vợ chồng ông Y M không đồng ý, vì tại thời điểm năm 1997 đại diện chính quyền địa phương đã tiến hành đo đạc, ông Y P cũng đã đăng ký kê khai quyền sử dụng đất tranh chấp nhưng cán bộ thôn, buôn đã làm thất lạc nên Nhà nước chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hứa Văn A, chị Hứa Thị N, anh Hứa Văn H, chị Hứa Thị N, anh Hứa Văn S trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn P và bà H N Srũk, không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến của Uỷ ban nhân dân huyện L: Căn cứ vào hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Đắk L, huyện L, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hứa Văn P, bà H N Srũk đối với diện tích 12560,7m^2, thửa đất số 192, tờ bản đồ 43 ở xã Đắk L, huyện L là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 08/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 175 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 100, Điều 131, Điều 134, khoản 1, 5 Điều 166; Điều 202; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc ông Y M Sruk và bà H B Tơr trả lại quyền sử dụng diện tích 3.431,8m^2 đất ruộng tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 43 của xã Đắk L, huyện

L cho hộ ông Hứa Văn P (Hứa Văn P) và bà H N Srũk sử dụng (có trích lục sơ đồ đất kèm theo).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn P và bà H N Srũk về diện tích 1.144,9m^2 nằm ngoài phần đất tranh chấp do ông Hứa Văn P và bà H N Srũk tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Đình chỉ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông Hứa Văn P và bà H N Srũk đối với ông Y M Sruk và bà H B Tơr.

Về chi phí tố tụng: Ông Hứa Văn P và bà H N Srũk phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và lệ phí cung cấp thông tin địa chính là 350.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng mà ông P, bà H N đã nộp và đã trả lại cho ông P, bà N 650.000 đồng.

Về án phí: Nguyên đơn ông Hứa Văn P, bà H N Srũk được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Hứa Văn P, bà H N Srũk 1.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001470 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lắk. Bị đơn ông Y M Sruk, bà H B Tơr phải chịu 3.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/8/2018 bị đơn ông Y M Sruk và bà H B Tơr nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 08/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Y M Sruk, bà H B Tơr được nộp trong thời hạn luật định, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ và đã được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Phía bị đơn ông Y M Sruk và bà H B Tơr cho rằng nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Y P Bdap bố của bà H B đã khai hoang canh tác từ năm 1980, với diện tích khoản 3.700m^2 tại khu vực xã Đắk L, huyện L. Đến năm 1997 do người nhà bị bệnh nặng phải điều trị tại Bệnh viện nên để hoang diện tích đất này. Đến năm 1998 ông Hứa Văn P, bà H N Srũk có xin mượn đất làm nên bố mẹ ông Y M đồng ý, khi mượn đất không lập giấy tờ gì. Năm 2011, gia đình ông Y M yêu cầu ông P, bà H N trả lại diện tích đất đã mượn nhưng ông P, bà H N không đồng ý. Những người làm chứng là ông Y B Srũk, ông Y L Du, ông Y B Bdap, ông Y S Bdap, ông Y Q Bdap, ông Y B Du cũng không biết nguồn gốc đất của ai mà chỉ nghe nói là của ông Y P khai hoang và sau này do ông P, bà H N canh tác. Xét thấy, vợ chồng ông Y M không cung cấp được giấy tờ gì chứng minh nguồn gốc đất của mình sử dụng hợp pháp, lời khai của vợ chồng ông Y M cũng không được ông P, bà H N thừa nhận. Mặt khác, năm 2011 đã có dự án cấp đổi, cấp mới toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Đắk L, huyện L. Uỷ ban nhân dân xã Đắk L có thông báo và niêm yết công khai danh sách các hộ dân đăng ký đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có hộ ông Hứa Văn P. Trong thời hạn niêm yết công khai không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông P nên Uỷ ban nhân dân xã Đắk L đã chuyển hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông P lên cơ quan có thẩm quyền xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Do đó, lời khai của vợ chồng ông Y M và bà H B là không có cơ sở chấp nhận.

Qua kiểm tra sổ địa chính thì hộ gia đình ông Hứa Văn P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 773706 ngày 01/12/2011, tại thửa 192, tờ bản đồ số 43, diện tích 12560,7m^2, trong đó có diện tích đất tranh chấp. Ngoài ra, qua kiểm tra sổ mục kê năm 1997 đối với thửa đất trên, theo bản đồ cũ là thửa số 305, tờ bản đồ số 15, diện tích 6.580m^2 tại thời điểm từ năm 1997 đến năm 2011 chưa có ai đăng ký sử dụng đất. Vì vậy, phần diện tích thửa số 305, tờ bản đồ 15 cũ nay nằm hoàn toàn trong thửa đất số 192, tờ bản đồ số 43 đã được Uỷ ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hứa Văn P. Ông Y M và bà H B cho rằng việc ông P, bà H N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng vì vào thời điểm này các bên đang xảy ra tranh chấp là không có căn cứ vì: Theo biên bản xác minh ngày 25/01/2017 tại Uỷ ban nhân dân xã Đắk L thì vào năm 2013 Uỷ ban nhân dân xã mới tiếp nhận đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất giữa ông P và bà H N với 04 hộ dân là bà H T Bdap, H P Tơr, H N Je, H Ă Du. Đến ngày 21/11/2016, Uỷ ban nhân dân xã Đắk L mới tiếp nhận đơn yêu cầu của ông P, bà H N yêu cầu ông Y M, bà H B trả đất.

Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Y M, bà H B trả lại diện tích 3.431,8m^2 thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 43 tại xã Đắk L cho vợ chồng ông P là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông Y M Sruk và bà H B Tơr, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí: Do bị đơn thuộc diện hộ cận nghèo và đã có đơn xin miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm nên bị đơn ông Y M Sruk và bà H B Tơr được miễn toàn bộ án phí.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y M Sruk và bà H B Tơr.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 08/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hứa Văn P (Hứa Văn P) và bà H N Srũk.

Buộc ông Y M Sruk và bà H B Tơr trả lại quyền sử dụng diện tích 3.431,8m^2 đất ruộng tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 43 của xã Đắk L, huyện L cho hộ ông Hứa Văn P (Hứa Văn P) và bà H N Srũk sử dụng, đất có vị trí tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đất ông Y G Du;

Phía Nam giáp phần đất ông Hứa Văn P và bà H N Srũk đang sử dụng;

Phía Đông giáp Mương;

Phía Tây giáp đất ông Y Q Sruk và đất ông Hứa Văn P, bà H N Srũk đang sử dụng (có trích lục sơ đồ đất kèm theo).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn P (Hứa Văn P) và bà H N Srũk về diện tích 1.144,9m^2 nằm ngoài phần đất tranh chấp do ông Hứa Văn P và bà H N Srũk tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Đình chỉ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông Hứa Văn P và bà H N Srũk đối với ông Y M Sruk và bà H B Tơr.

[2] Về chi phí tố tụng: Ông Hứa Văn P và bà H N Srũk phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và lệ phí cung cấp thông tin địa chính là 350.000 đồng,

được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng mà ông P, bà H N đã nộp và đã trả lại cho ông P, bà N 650.000 đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Y M Sruk và bà H B Tơr được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho ông Hứa Văn P (Hứa Văn P), bà H N Srũk số tiền 1.300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001470 ngày 13/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Lắk;*
- *Chi cục THADS huyện L;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức